

Số: 831 /QĐ-UBND

An Giang, ngày 19 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án Quản lý thu thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh  
dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh An Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ các Luật thuế: Giá trị gia tăng, Thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập cá nhân;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;*

*Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;*

*Căn cứ Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài;*

*Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật*

*sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tại Công văn số 686/CT-TTKT1 ngày 12 tháng 4 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Quản lý thu thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Giao Cục Thuế chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT: Tỉnh ủy; Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH, Báo An Giang, Website An Giang;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Văn Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ ÁN  
QUẢN LÝ THU THUẾ NHÀ HÀNG, CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ  
ĂN UỐNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 831 /QĐ-UBND ngày 19 /4/2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

**PHẦN I  
MỞ ĐẦU**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Trong thời gian qua cùng với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, dịch vụ ăn uống luôn luôn phát triển, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh An Giang. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn tồn tại những vấn đề bất cập, trong đó có quản lý Nhà nước về thuế, do thói quen đa số của người tiêu dùng thường không lấy hóa đơn khi thanh toán hàng hóa, dịch vụ (ngoại trừ các cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp), ý thức chấp hành kê khai nộp thuế của cơ sở kinh doanh còn thấp, trong quá trình kinh doanh thường xuyên không xuất hóa đơn hoặc chỉ xuất theo yêu cầu, xuất mang tính chất đối phó, dẫn đến thất thu cho ngân sách Nhà nước. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, nguồn lực cơ quan thuế còn thiếu phải bố trí trên nhiều lĩnh vực nên công tác quản lý thuế đối với cơ sở ăn uống còn thất thu về đối tượng nộp thuế, doanh thu tính thuế, số thuế phải nộp, từ đó mức độ đóng góp vào ngân sách trong lĩnh vực này chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của tỉnh. Ngoài ra, sự phối hợp trong công tác chống thất thu giữa các Ban, ngành cấp tỉnh mà đặc biệt ở cấp cơ sở: Phòng, ban ngành ở cấp huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường chưa đồng bộ, thiếu quyết liệt.

Để từng bước chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế nêu trên, tạo điều kiện để cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phát triển và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “***Quản lý thu thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống***” trên địa bàn tỉnh An Giang.

**II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án:**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020).

Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh.

Quy trình Kiểm tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tổng cục Thuế; Quyết định số 1215/QĐ-TCT ngày 03/9/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Quy trình kiểm tra thuế.

Quy trình quản lý thuế đối với cá nhân kinh doanh ban hành kèm theo Quyết định số 2371/QĐ-TCT ngày 18/12/2015 của Tổng cục Thuế.

Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban chỉ đạo và soạn thảo Đề án Quản lý thu thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn tỉnh An Giang.

## **2. Về quyền hạn và nghĩa vụ của các bên liên quan theo quy định Luật Quản lý thuế:**

### **Về quyền hạn của cơ quan quản lý thuế theo quy định Điều 19:**

*“1. Yêu cầu người nộp thuế cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế, bao gồm cả thông tin về giá trị đầu tư; số hiệu, nội dung giao dịch của các tài khoản được mở tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và giải thích việc tính thuế, khai thuế, nộp thuế.*

*2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế và phối hợp với cơ quan quản lý thuế để thực hiện pháp luật về thuế.*

*3. Kiểm tra thuế, thanh tra thuế theo quy định của pháp luật.*

*4. Ấn định thuế.*

*5. Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.*

*6. Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo thẩm quyền; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế.*

*7. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật.*

*8. Ủy nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thu một số loại thuế theo quy định của Chính phủ.*

*9. Cơ quan thuế áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế với người nộp thuế, với cơ quan thuế nước ngoài, vùng lãnh thổ mà Việt Nam đã ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế thu nhập.*

*10. Mua thông tin, tài liệu, dữ liệu của các đơn vị cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ công tác quản lý thuế; chi trả chi phí ủy nhiệm thu thuế từ tiền thuế thu được hoặc từ nguồn kinh phí của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Chính phủ.”*

**Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân khác theo quy định Điều 29:**

*“1. Cung cấp thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế.*

*2. Phối hợp với cơ quan quản lý thuế trong việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế.*

*3. Tổ giác hành vi vi phạm pháp luật về thuế đến cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

*4. Yêu cầu người bán hàng, người cung cấp dịch vụ phải giao hóa đơn, chứng từ bán hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ.”*

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

#### **1. Mục tiêu**

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước của các cơ quan chức năng thông qua việc thực hiện nghiêm Luật Quản lý thuế, các Luật thuế, Luật Kế toán và thực hiện cải cách hành chính về thuế; quản lý sát, đúng doanh thu thực tế phát sinh của các cơ sở kinh doanh, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế vào NSNN.

Tạo sự công bằng, bình đẳng trong kinh doanh giữa Người nộp thuế (NNT) trong kinh doanh dịch vụ ăn uống với kinh doanh các lĩnh vực khác.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phát triển, nâng cao tính tự giác trong việc tuân thủ pháp luật cũng như quyền tự chủ của NNT trong việc tự kê khai, tự tính thuế và tự nộp thuế, thông qua việc thực hiện sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ khi mua, bán, trao đổi hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Quản lý chặt chẽ NNT có hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống. Nâng cao ý thức của NNT trong việc xuất hóa đơn đầy đủ, kịp thời khi bán hàng dịch vụ và kê khai nộp thuế đúng quy định.

Hoàn thành dự toán thu ngân sách hàng năm do Ủy ban nhâ dân tỉnh giao.

#### **2. Phạm vi điều chỉnh**

Đề án này quy định biện pháp quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh ăn uống trên địa bàn tỉnh An Giang, bao gồm: Nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

### **3. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp thuế theo phương pháp kê khai và phương pháp khoán thuế.

## **PHẦN II**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI NHÀ HÀNG, CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG**

#### **I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI NHÀ HÀNG, CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ ĂN UỐNG**

##### **1. Thực trạng quản lý thuế**

Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/12/2019 ngành Thuế tỉnh An Giang đang quản lý 27.099 cơ sở kinh doanh, trong đó: 5.045 doanh nghiệp và 22.054 hộ cá thể. Tổng số thu thuế trong 03 năm là: 11.969.223 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp: 11.432.247 triệu đồng, hộ cá thể: 536.975 triệu đồng. Cụ thể:

Năm 2017 thu: 3.878.452 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp thu: 3.715.288 triệu đồng, hộ cá thể: 163.164 triệu đồng.

Năm 2018 thu: 3.742.386 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp thu: 3.563.356 triệu đồng, hộ cá thể: 179.030 triệu đồng.

Năm 2019 thu: 4.348.385 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp thu: 4.153.604 triệu đồng, hộ cá thể: 194.781 triệu đồng.

*(Đính kèm phụ lục 01)*

Riêng đối với lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tính đến ngày 31/12/2019 ngành Thuế tỉnh An Giang đang quản lý 1.372 cơ sở kinh doanh, trong đó: 42 doanh nghiệp và 1.330 hộ cá thể. Tổng số thu thuế trong 03 năm là: 65.873 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp thu: 22.085 triệu đồng, hộ cá thể: 43.788 triệu đồng. Cụ thể:

Năm 2017 thu: 18.872 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp thu: 6.383 triệu đồng, hộ cá thể: 12.489 triệu đồng. Chiếm 0,49% trên tổng thu NSNN (18.872 triệu đồng/3.878.452 triệu đồng).

Năm 2018 thu: 22.017 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp thu: 7.327 triệu đồng, hộ cá thể: 14.691 triệu đồng Chiếm 0,59% trên tổng thu NSNN (22.017 triệu đồng/3.742.386 triệu đồng).

Năm 2019 thu: 24.983 triệu đồng, trong đó: doanh nghiệp thu: 8.375 triệu đồng, hộ cá thể: 16.608 triệu đồng Chiếm 0,57% trên tổng thu NSNN (24.983 triệu đồng/4.348.385 triệu đồng).

*(Đính kèm phụ lục 02)*

## **2. Nhận xét, đánh giá**

Qua số liệu trên cho thấy việc quản lý thu thuế đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ ăn uống đã đạt được một số kết quả nhất định, số thu nộp vào NSNN qua 03 năm (2017-2019) đều tăng, tốc độ tăng thu bình quân hàng năm từ 13% đến 17% thực hiện đúng theo chủ trương chỉ đạo của ngành, trong đó: năm 2018 tăng 16,66% so năm 2017 (22.017/18.872), năm 2019 tăng 13,47% so năm 2018 (24.983/22.017). Tuy nhiên, tỷ lệ thu thuế dịch vụ ăn uống thu trong 03 năm chiếm khoảng 0,55%/tổng thu NSNN trong 03 năm (65.872/11.969.233) là không tương xứng với mức độ phát triển kinh tế của cả tỉnh.

## **II. NGUYÊN NHÂN, HẠN CHẾ**

### **1. Khách quan**

Lợi dụng cơ chế tự khai, tự nộp, sự thông thoáng của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế nên một số NNT đã kê khai không đúng, không đủ doanh thu làm thất thu cho NSNN.

Nhận thức của người tiêu dùng còn hạn chế chưa có thói quen về lấy hóa đơn và thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt nên cơ sở kinh doanh không xuất hóa đơn khi bán hàng, hoặc chỉ xuất khi có yêu cầu của người thụ hưởng; biện pháp chế tài chưa nghiêm, chưa có chính sách khuyến khích để người mua lấy hóa đơn, chưa có biện pháp hiệu quả kiểm tra xử lý nghiêm các hành vi vi phạm thực hiện chế độ hóa đơn chứng từ, ấn định thuế các trường hợp liên tục vi phạm.

Việc phối hợp với Cơ quan đăng ký kinh doanh để rút giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh còn vướng do cơ chế, chính sách.

### **2. Chủ quan**

Công tác phối hợp trong quản lý giữa Cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh, Y tế, Quản lý thị trường, Công an và Ủy ban nhân dân chưa thường xuyên và liên tục để nâng cao vai trò trách nhiệm của các ngành trong việc quản lý và thu NSNN.

Loại hình dịch vụ này thường hoạt động cao điểm vào buổi trưa, buổi chiều trở đi nên khó nắm bắt đầy đủ thông tin phục vụ yêu cầu công tác quản lý thuế, nhất là thông tin để khoán thuế.



Chưa thực hiện tốt công tác cân đối mức thuế ngành dịch vụ ăn uống trên địa bàn dẫn đến chênh lệch số thuế bình quân năm giữa các hộ kinh doanh còn quá lớn, ngay cả các địa phương có tình hình kinh tế - xã hội tương tự nhau.

Vẫn còn một số ít công chức quản lý thuế trình độ còn hạn chế, lớn tuổi nên chưa chủ động điều tra thu thập đầy đủ thông tin về quy mô, thực tế từng hoạt động kinh doanh để quản lý đúng doanh thu, mức thuế phải nộp của NNT.

Công tác kê khai, khoán thuế ban đầu đối với các hộ kinh doanh mới ra kinh doanh chưa sát với thực tế về quy mô kinh doanh, dẫn đến số thuế khoán thấp, khi cân đối chỉnh thuế lại với tỷ lệ tăng cao gây ra sự phản ứng của cơ sở. Khả năng tuyên truyền, thuyết phục, vận động của một số cán bộ quản lý còn hạn chế. Chưa vận dụng dữ liệu khảo sát của năm trước để tạo nguồn thông tin lập bộ cho năm sau.

Chưa đề ra giải pháp hiệu quả để quản lý đối với lĩnh vực này, còn phụ thuộc chủ yếu vào ý thức của người nộp thuế; thiếu kiểm tra, giám sát để tìm ra các biện pháp quản lý thu thuế phù hợp cho từng đối tượng, chống thất thu NSNN. Công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan thuế chưa kịp thời, một số doanh nghiệp kê khai chưa đúng doanh thu, số thuế phải nộp chưa được kiểm tra, xử lý kịp thời.

### **PHẦN III**

## **GIẢI PHÁP VÀ CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

### **I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **1. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT**

Cơ quan Thuế tuyên truyền về việc chấp hành các chính sách thuế, nghĩa vụ nộp NSNN, sử dụng hóa đơn, chứng từ trong việc mua bán hàng hóa, dịch vụ; việc chấp hành chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ theo quy định của pháp luật; tạo sự đồng thuận của người nộp thuế, người dân trong việc chấp hành và thực hiện nghĩa vụ thuế. Hình thức tuyên truyền:

- Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử ngành thuế.
- Tuyên truyền thông qua đối thoại, phổ biến chính sách thuế, các quy định về sử dụng hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ.

#### **2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản để ngành thuế có đủ cơ sở để triển khai thực hiện**

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất Bản cam kết của doanh nghiệp kinh doanh ăn uống các nội dung:

- Kê khai đúng thực tế phát sinh và đáp ứng đồng thời 02 tiêu chí:



+ Tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu chiếm tối đa 70% (*Giá vốn hàng bán bao gồm các khoản: Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hoá mua vào, chi phí nhân công, chi phí thuê mặt bằng, chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng trực tiếp vào sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ liên quan đến doanh thu từ hoạt động kinh doanh ăn, uống trong kỳ*).

+ Tỷ lệ doanh thu bán lẻ so với doanh thu trong kỳ (không bao gồm thuế GTGT) tối thiểu 15% (*doanh thu bán lẻ là doanh thu bán cho cá nhân ghi trên hoá đơn bán hàng và doanh thu tập hợp từ bảng kê bán lẻ mà người mua không lấy hoá đơn được ghi nhận vào hoá đơn bán hàng*).

- Cam kết sử dụng hóa đơn đúng quy định: Ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc trên hóa đơn, mọi trường hợp cung ứng hàng hóa, dịch vụ đều phải xuất hóa đơn...

### **3. Phân loại nhóm cơ sở kinh doanh để quản lý**

- Quy mô kinh doanh, khả năng sinh lời, lợi thế thương mại.

- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

### **4. Giải pháp kiểm soát hóa đơn**

- Đối với đơn vị phát hành phải: kiểm soát sự tuân thủ việc sử dụng hóa đơn theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính; một số hành vi thường gặp:

+ Xuất hóa đơn không đầy đủ, không kịp thời khi bán hàng hóa, dịch vụ.

+ Xuất hóa đơn không đúng qui định: không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc được in sẵn trên hóa đơn như: mặt hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền...

- Đối với đơn vị thụ hưởng: Nhận hóa đơn đầu vào mà trên hóa đơn ghi không đầy đủ các nội dung bắt buộc được in sẵn như: mặt hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền...thì:

+ Đối với doanh nghiệp: Không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

+ Đối với đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thì không được thanh toán.

### **5. Giải pháp giám sát, kiểm tra**

- Doanh nghiệp: thực hiện quản lý theo đúng quy định tại Quy trình kiểm tra thuế (ban hành kèm theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tổng cục Thuế) theo đó, giám sát hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, kiểm tra tại trụ sở NNT.

- Hộ kinh doanh (khảo sát doanh thu theo hàng quý, kê khai lập bộ thuế hàng năm), đối với hộ mới ra kinh doanh phải tham khảo mức thuế của các hộ

kinh doanh cùng ngành nghề, địa bàn và thông qua ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường về mức thuế dự kiến khoán cho phù hợp.

### **6. Giải pháp thu thập thông tin của doanh nghiệp, hộ kinh doanh**

- Thông tin từ cơ sở kinh doanh:
  - + Chi phí phát sinh, quan hệ mua bán, thông tin đầu vào.
  - + Đối tượng khách hàng của cơ sở (khách cơ quan, doanh nghiệp, khách vãng lai...).
  - + Thời gian hoạt động.
  - + Số lượng lao động, diện tích kinh doanh, chi phí thuê mặt bằng, chi phí nhân công...
- Thông tin bên ngoài:
  - + Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh cung cấp đầu vào, qui mô, khối lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp...
  - + Thông tin do các ngành hỗ trợ: Cơ quan Y tế, Quản lý thị trường...cung cấp.
  - + Thông tin từ sổ phụ Ngân hàng.
- Sử dụng 02 nguồn thông tin nêu trên để phân tích, đánh giá phục vụ cho việc khảo sát.

### **7. Giải pháp công tác phối hợp của Ban ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành**

- Đối với các Ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy chế phối hợp tại Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý thu thuế trên địa bàn. Giao Chi cục Thuế tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố ban hành Quy chế phối hợp phù hợp tình hình thực tế địa phương.

## **II. NHIỆM VỤ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

Cung cấp thông tin liên quan đến nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc lĩnh vực do ngành mình quản lý; tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành. Nhiệm vụ cụ thể:

### **1. Cục Thuế**

Là cơ quan chủ trì trực tiếp triển khai thực hiện Đề án, làm công tác tham mưu tổng hợp cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong chỉ đạo điều hành thực hiện Đề án.

Tổ chức triển khai điều hành trực tiếp các nội dung hoạt động kiểm tra chống thất thu thuế.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

Thực hiện cung cấp, đối chiếu thông tin các cơ sở kinh doanh nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn. Tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thụ lý hồ sơ, xử phạt, xử lý các trường hợp phải thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### **3. Sở Y tế**

Giám sát chất lượng sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ ăn uống; quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn.

Tham gia đoàn kiểm tra thực hiện công tác chống thất thu thuế kết hợp kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại cơ sở kinh doanh.

### **4. Cục Quản lý thị trường**

Thực hiện cung cấp thông tin hoạt động của các nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh trên thị trường, kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa, kiểm tra nhãn, mác hàng hóa, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...ngăn chặn các hành vi kinh doanh trái pháp luật.

Tham gia Đoàn kiểm tra thực hiện công tác chống thất thu thuế. Phối hợp đề xuất xử lý các hành vi vi phạm của cơ sở kinh doanh nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn.

### **5. Công an**

Thực hiện cung cấp thông tin hoạt động của các nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;

Thực hiện công tác xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp trong công tác chống thất thu đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; phối hợp điều tra, xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi mua, bán, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

### **6. Ủy ban nhâ dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Cung cấp thông tin về hoạt động của cơ sở kinh doanh trên địa bàn.
- Tham gia chỉ đạo thực hiện Đề án trên địa bàn.
- Chỉ đạo Hội đồng tư vấn thuế thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính.
- Cử thành viên tham gia Đoàn Kiểm tra liên ngành.
- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành đề xuất xử lý các hành vi vi phạm của cơ sở kinh doanh nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn.

## **III. CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**Bước 1:** UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các ban ngành cùng phối hợp với Chi cục Thuế trong triển khai quản lý thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:

Chi cục Thuế tham mưu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo và Đoàn kiểm tra liên ngành theo Đề án gồm có: Chi cục Thuế, Công an huyện, thị xã, thành phố (Đội Cảnh sát kinh tế), Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Y tế, Đội Quản lý thị trường và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

**Bước 2:** Tuyên truyền trên báo đài truyền thanh địa phương về chính sách pháp luật thuế, chế độ hóa đơn chứng từ, vận động người dân có thói quen yêu cầu người bán xuất hóa đơn thanh toán dịch vụ đã thụ hưởng.

Chi cục Thuế phối hợp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kịp thời triển khai tuyên truyền chính sách pháp luật thuế đối với nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống. Trong đó tập trung tuyên truyền nghĩa vụ, trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với NNT thông qua báo, đài địa phương, tuyên truyền đến các nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống để thông suốt và chấp hành nghiêm chính sách pháp luật thuế.

Tổ chức đối thoại, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng thực hiện đúng các quy định về chế độ hóa đơn chứng từ khi bán hàng phải xuất hóa đơn, ghi chép hóa đơn, sổ sách rõ ràng kịp thời. Các trường hợp sử dụng hóa đơn không đúng mẫu đã đăng ký phát hành sử dụng với cơ quan thuế, sử dụng hóa đơn nội bộ phải được kiểm tra, xử lý theo quy định.

**Bước 3:** Chi cục Thuế lọc danh sách cơ sở kinh doanh đang quản lý để phân tích, đánh giá:

- Đối với doanh nghiệp: In bộ thuế hiện tại và cùng kỳ để nhận xét, đánh giá.
- Đối với hộ khoán thuế: In bộ thuế hiện tại và cùng kỳ để nhận xét, đánh giá.

Bộ thuế được sắp xếp theo thứ tự doanh thu, thuế giảm dần (Quy ước mẫu 01A theo doanh nghiệp, 01B theo hộ kinh doanh), đánh dấu “x” vào cột phân tích có rủi ro đưa vào danh sách cơ sở kinh doanh có dấu hiệu rủi ro để đưa vào kiểm tra chống thất thu thuế. Kết quả này giúp cho việc cân đối, nhận xét, đánh giá tình hình quản lý thuế, chỉ ra cơ sở kinh doanh nào quản lý thuế còn thấp, còn thất thu thuế so với quy mô kinh doanh thực tế.

Thành viên thực hiện kế hoạch kiểm tra chống thất thu sẽ đánh dấu chọn các cơ sở kinh doanh có dấu hiệu rủi ro để đưa vào kiểm tra chống thất thu. Để

chọn chính xác danh sách có thể tổ chức đi địa bàn quan sát vào lúc cao điểm buổi trưa, buổi chiều để xem xét quy mô kinh doanh và chọn đúng đối tượng.

Đối với doanh nghiệp: thu thập thông tin ở bước 4, thực hiện Kiểm tra, giám sát theo Quy trình ban hành theo Quyết định số 746 ngày 20/14/2015 của Tổng cục Thuế.

Đối với hộ kinh doanh: Xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện khảo sát ở các quý tiếp theo.

**Bước 4:** *Thu thập các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh quản lý thuế chưa tốt để đưa vào thực hiện.*

*(Nội dung thu thập để đánh giá đúng doanh thu thực tế của NNT theo doanh thu đang quản lý đã lọc ra ở bước 3, so với thực tế để đánh giá số thuế dự kiến thất thu, nguyên nhân thất thu thuế)*

Danh sách do các thành viên thuộc Chi cục Thuế phụ trách (gọi tắt là tổ công tác) tìm hiểu thu thập các thông tin có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở, dự kiến sẽ tiến hành kiểm tra chống thất thu. Nội dung thông tin cần thu thập gồm:

- Quy mô kinh doanh, vốn kinh doanh.
  - Loại hình kinh doanh: nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cao cấp, bình dân.
- (Phân loại nhà hàng cao cấp hay bình dân, sơ đồ phòng ăn, số bàn ăn, số lượt khách phục vụ bình quân ngày, bình quân tháng. Khả năng phục vụ cùng một lúc có thể phục vụ được bao nhiêu lượt khách. Có khả năng tổ chức hội nghị, tiệc cưới hay không; thông tin nguồn hàng: khách hàng cung cấp mặt hàng chủ yếu có giá trị cao như: Rượu, bia, nước suối...
- Thực đơn, giá bán, lợi thế của nhà hàng, giá cả, món ăn đặc sản truyền thống.
  - Mặt bằng kinh doanh (thuê hay tự có), địa điểm kinh doanh, lợi thế thương mại.
  - Số lượng lao động đang sử dụng, nguồn thức ăn (món ăn là thế mạnh của nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống).
  - Chi phí cố định hàng tháng phải trả: Thuê mặt bằng, điện nước, điện thoại (mức tương đối), lương nhân công ...
  - Thông tin từ sử dụng máy tính tiền.
  - Thông tin từ sử dụng hóa đơn.
  - Thông tin giao dịch thanh toán qua ngân hàng do NNT cung cấp và Ngân hàng cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan thuế (CQT).

- Nguồn dữ liệu thông tin đã thu thập ở giải pháp thứ 6 để triển khai thực hiện.

Đánh giá việc chấp hành các Cam kết, mức tuân thủ theo phân loại quy mô của CQT quản lý thông qua thu thập thông tin.

Hình thức thu thập: thu thập thông tin thông qua thống kê ghi chép, quan sát trực tiếp hoạt động kinh tế phát sinh của NNT, tìm hiểu thêm các thông tin từ các nguồn khác như: người làm công, khách hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ, khách hàng sử dụng hàng hóa dịch vụ; tỷ lệ lãi gộp, doanh thu bình quân ngày, doanh thu bình quân tháng..., tình hình chấp hành quy định về sử dụng hóa đơn chứng từ, cơ sở có sử dụng hóa đơn nội bộ tự in hay không.

Từ nguồn thu thập thông tin lọc ra danh sách để dự kiến, mức thuế phải của cơ sở như:

- Dự kiến: Doanh thu thực tế, mức thuế thực tế phải nộp.
- Dự kiến: Doanh thu đang thất thu, số thuế đang thất thu.
- Đề xuất biện pháp kiểm tra, khảo sát đối với từng cơ sở.

#### **Bước 5: Tiến hành kiểm tra**

*Khi đã hoàn thành bước 4 có đủ tài liệu chứng minh cơ sở kinh doanh kê khai chưa đúng doanh thu và số thuế phải nộp, còn thất thu thuế và đề xuất hướng xử lý tiến hành công tác kiểm tra thuế.*

##### **a) Đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp kê khai**

Sau khi đã tiến hành thu thập đầy đủ thông tin NNT, xác định được doanh thu, số thuế đang thất thu. Tùy theo mức độ thất thu thuế sẽ tiến hành yêu cầu giám sát hồ sơ thuế tại CQT, qua làm việc triển khai cho doanh nghiệp biết chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về triển khai thực hiện Đề án, các thành viên tham gia kiểm tra theo Đề án... và yêu cơ sở kinh doanh giải trình kê khai bổ sung số thuế kê khai còn chưa đúng hoặc chuyển sang đưa vào kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT trường hợp phát hiện kê khai chưa đúng.

##### **\* Trường hợp đưa vào giám sát kê khai tại CQT:**

- Giám sát kê khai của các nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Giám sát tại cơ quan thuế (lồng ghép giao Bản cam kết và các phụ lục yêu cầu thực hiện).

Mục tiêu của giám sát kê khai: Phát hiện kịp thời những nội dung kê khai bất hợp lý để điều chỉnh kịp thời, khai tốt nguồn thu và là nội dung quan trọng hỗ trợ cho công tác kiểm tra rủi ro tại doanh nghiệp sau này. Do đó cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:



+ Thường xuyên thu thập các kênh thông tin từ bên ngoài và bên trong để xác định tình hình thực tế kinh doanh của từng cơ sở, làm căn cứ hỗ trợ cho công tác giám sát kê khai thuế.

+ Thực hiện thống kê về kết quả kê khai thuế của cơ sở kinh doanh, phân tích nội dung kê khai về doanh số mua vào, bán ra, số thuế GTGT phải nộp, so sánh quy mô kinh doanh kết hợp với các thông tin đã thu thập chỉ ra những điểm còn bất hợp lý. Dựa trên cơ sở thông tin thu thập điều tra được chứng minh NNT chưa kê khai đúng doanh thu, mức thuế phải nộp, còn thất thu thuế để yêu cầu kê khai bổ sung thêm doanh thu, số thuế phải nộp phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh.

Trường hợp cơ sở kinh doanh chấp thuận kê khai bổ sung sẽ cho kê khai bổ sung và tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong các tháng tiếp theo.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh không chấp thuận:

+ Bổ sung kế hoạch kiểm tra trong năm hoặc kiểm tra đột xuất (do thủ trưởng cơ quan thuế quyết định)

+ Thực hiện kiểm tra liên ngành theo Bước 6.

b) Đối với cơ sở kinh doanh

b1) Đối với hộ kinh doanh có mở sổ kế toán

Thực hiện khi Luật Quản lý thuế sửa đổi, bổ sung về nội dung này có hiệu lực thi hành. (Nội dung thực hiện tương tự tại điểm a).

b2) Đối với hộ kinh doanh khoán thuế

Sau khi đã tiến hành xong công tác ở bước 4, đánh giá đúng doanh thu, số thuế phải nộp, dự kiến số thuế còn thất thu lập danh sách cần kiểm tra, mời cơ sở kinh doanh lên làm việc tại cơ quan thuế.

Nội dung làm việc: Từ số liệu đã kê khai với CQT, thông tin số liệu theo quy mô thực tế kinh doanh, giải thích số liệu mà cơ sở kinh doanh kê khai chưa phù hợp so với thực tế kinh doanh, đồng thời tuyên truyền về Đề án, trường hợp cơ sở kinh doanh chấp thuận theo giải thích và đồng ý điều chỉnh hợp lý theo thực tế kinh doanh thì hướng dẫn cho cơ sở kinh doanh điều chỉnh lại hồ sơ khai thuế. Căn cứ kết quả làm việc thực hiện:

- Nếu doanh thu tăng hơn 50% (Đề nghị cơ sở kinh doanh lập hồ sơ điều chỉnh thuế).

- Nếu doanh thu có mức thấp hơn 50%, đề xuất giữ nguyên mức thuế. Giao các Đội quản lý lưu hồ sơ phục vụ cho tính thuế năm sau (nếu không thay đổi quy mô và ngành nghề kinh doanh).

- Trường hợp làm việc tăng hơn 50% cơ sở không chấp nhận ký biên bản, lập danh sách giao Đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra.



### **Bước 6: Phối hợp hoạt động của Đoàn Kiểm tra:**

Sau khi cơ quan thuế thực hiện ở bước 5, trường hợp doanh nghiệp qua giám sát không chấp nhận theo nội dung làm việc với cơ quan thuế, cơ sở không chấp nhận ký biên bản.

Căn cứ danh sách đề xuất kiểm tra của Chi cục Thuế, Đoàn Kiểm tra liên ngành sẽ tiến hành kiểm tra tại cơ sở kinh doanh (nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống). Kết quả kiểm tra đề xuất thông qua Hội đồng tư vấn thuế xem xét ấn định mức thuế phải nộp và xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Về xử lý vi phạm hành chính: Tùy theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành đề xuất xử lý cho phù hợp, đúng quy định.

**Yêu cầu áp dụng chung:** *Đối với cơ sở kinh doanh có sử dụng máy tính tiền và có sử dụng hóa đơn sau khi gửi hồ sơ khai thuế phải kết xuất file tính tiền gửi cho cơ quan thuế thông qua địa chỉ mail của đội quản lý, cán bộ quản lý thực hiện đối chiếu số tiền bán hàng hóa, dịch vụ thu được so với số đã xuất hóa đơn để thực hiện chống thất thu.*

### **IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ MANG LẠI TỪ ĐỀ ÁN**

Đánh giá Đề án khi được áp dụng vào thực tế sẽ nâng cao được hiệu quả trong việc khai thác tăng thu cho NSNN, bước đầu kịp thời khắc phục thực trạng thất thu thuế đối với lĩnh vực dịch vụ ăn uống.

Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế đối với NNT, tăng cường công tác phối hợp quản lý thuế giữa các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương với cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Việc thực hiện Đề án “***Quản lý thu thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống***” chống thất thu, quản lý tốt sẽ tạo hiệu ứng dây chuyền đến tình hình kê khai, nộp thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề khác, góp phần tạo sự công bằng trong việc kê khai, nộp thuế giữa các doanh nghiệp và hộ kinh doanh khác với nhau.

Tạo thêm nguồn thu cân đối mang tính bền vững bổ sung phục vụ yêu cầu chi cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **V. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

Tình hình thất thu thuế hiện nay vẫn chủ yếu do người tiêu dùng vẫn có thói quen không yêu cầu người bán xuất hóa đơn khi mua hàng. Trong hướng tới cần ban hành nhiều cơ chế chính sách tác động khuyến khích người tiêu dùng có thói quen yêu cầu người bán xuất hóa đơn khi mua hàng.

Phải tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ doanh thu, kiểm tra việc thực hiện nghiêm quy định xuất hóa đơn hàng hóa khi bán hàng cũng như xử lý nghiêm các trường hợp bán hàng không xuất hóa đơn, kiến nghị Tổng cục Thuế

có giải pháp khuyến khích doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử trước thời hạn Luật Quản lý thuế quy định.

Đề án “***Quản lý thu thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống***” về không gian: được xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang. Do đó, tùy theo địa bàn quản lý các Chi cục Thuế trực thuộc căn cứ Đề án “***Quản lý thu thuế nhà hàng, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống***” sửa đổi, bổ sung (nếu có) để tổ chức triển khai thực hiện cho địa phương mình.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Lộ trình thực hiện**

Cục Thuế chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

### **2. Nguồn kinh phí**

Kinh phí xây dựng đề án chủ yếu được lấy từ nguồn kinh phí ngành, trường hợp có khó khăn đề nghị ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần theo khả năng cân đối.

### **3. Trách nhiệm thực hiện**

- Đối với doanh nghiệp: Thực hiện ngay khi Đề án được thông qua trong quá trình giám sát tại cơ quan thuế và kiểm tra tại doanh nghiệp.

- Đối với hộ kinh doanh có mở sổ kế toán: Thực hiện khi Luật Quản lý thuế sửa đổi, bổ sung về nội dung này có hiệu lực thi hành.

- Đối với hộ kinh doanh khoán thuế: Thực hiện trong quá trình rà soát tại cơ quan thuế kết hợp khảo sát hàng quý, lập bộ hàng năm.

- Chế độ báo cáo: Định kỳ trước ngày 05 hàng tháng Chi cục Thuế báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án về Cục Thuế và Ủy ban nhâ dân huyện, thị xã, thành phố theo quy định, Cục Thuế tổng hợp báo cáo Ủy ban nhâ dân tỉnh trước ngày 10 hàng tháng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**